

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN
CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ**

MÃ HỒ SƠ:



Đối tượng đăng ký: **Giảng viên**

Ngành: **KINH TẾ** Chuyên ngành: **QUẢN TRỊ - QUẢN LÝ**

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: Lưu Quốc Đạt

2. Ngày tháng năm sinh: 06/11/1984; Nam Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam:

4. Quê quán (xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): Xã Nghĩa Hiệp, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: số nhà 119, ngõ 119, đường Giáp Bát, phường Giáp Bát, Quận Hoàng Mai, TP. Hà Nội.

6. Địa chỉ liên hệ: Phòng 401, chung cư N105, số 2, ngõ 89, đường Nguyễn Phong Sắc, quận Cầu giấy, TP. Hà Nội

Điện thoại nhà riêng: 024-36645336; Điện thoại di động: 0914780425;

E-mail: datlq@vnu.edu.vn; datluuquoc@gmail.com

7. Quá trình công tác:

- Từ tháng 6/2013 đến nay: Giảng viên Khoa Kinh tế Phát triển, Trường Đại học Kinh tế - Đại học Quốc gia Hà Nội (ĐHQGHN).
- Từ tháng 03/2018 đến nay: Thành viên Ban thư ký - Nhiệm vụ Quốc chí, ĐHQGHN.

- Từ tháng 3/2013 đến tháng 2/2014: Nghiên cứu viên sau tiến sỹ tại Khoa Quản lý Công nghiệp, Trường Đại học Khoa học Kỹ thuật Quốc gia Đà Loan.
- Chức vụ hiện nay: Phó trưởng Khoa - Khoa Kinh tế Phát triển, Trường Đại học Kinh tế, ĐHQGHN.
- Chức vụ cao nhất đã qua: Phó trưởng Khoa - Khoa Kinh tế Phát triển, Trường Đại học Kinh tế, ĐHQGHN.
- Cơ quan công tác hiện nay: Trường Đại học Kinh tế, ĐHQGHN.
- Địa chỉ cơ quan: Phòng 711, tòa E4, số 144 Xuân Thủy, quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội.
- Điện thoại cơ quan: 02437547506

8. Đã nghỉ hưu từ tháng năm

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng Đại học ngày 28 tháng 06 năm 2007

Số văn bằng: QC 050392

Chuyên ngành: Kinh tế chính trị

Nơi cấp bằng Đại học: Trường Đại học Kinh tế, Đại học Quốc Gia Hà Nội, Việt Nam.

- Được cấp bằng Thạc sỹ tháng 06 năm 2009

Số văn bằng: M967Z234 (mã học viên)

Chuyên ngành: Quản trị kinh doanh

Nơi cấp bằng Thạc sỹ: Trường Đại học Nam Đà Loan, Đà Loan.

- Được cấp bằng Tiến sỹ tháng 01 năm 2013

Số văn bằng: D9801801 (mã Nghiên cứu sinh)

Chuyên ngành: Quản lý công nghiệp

Nơi cấp bằng Tiến sỹ: Trường Đại học Khoa học và Kỹ thuật Quốc gia Đà Loan, Đà Loan.

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày ... tháng ... năm ... ngành:

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HDGS cơ sở:

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ, ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI.

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh PGS tại HDGS ngành, liên ngành:
KINH TẾ

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

Định hướng nghiên cứu chuyên sâu của tôi bao gồm:

Thứ nhất, xây dựng và ứng dụng các mô hình ra quyết định sử dụng lý thuyết tập mờ trong quản trị - quản lý;

Thứ hai, nghiên cứu về chuỗi cung ứng bền vững của doanh nghiệp;

Thứ ba, nghiên cứu mô hình đánh giá nhân lực tại doanh nghiệp, tổ chức.

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học

- Đã hướng dẫn **16 học viên cao học** bảo vệ thành công và đã nhận bằng Thạc sĩ; hiện đang hướng dẫn **03 nghiên cứu sinh** tại trường Đại học Kinh tế - ĐHQGHN.

- Hướng dẫn 01 nhóm sinh viên đạt giải nhất đề tài NCKH sinh viên cấp trường Đại học Kinh tế và cấp ĐHQGHN năm 2016.

- Đã hoàn thành và nghiệm thu **07 đề tài NCKH** các cấp. Cụ thể:

+ Chủ nhiệm 01 đề tài NCKH cấp cơ sở mã số KT.14.04 (trường Đại học Kinh tế - ĐHQGHN, nghiệm thu năm 2015).

+ Chủ nhiệm 01 đề tài cấp Nhà nước mã số 502.01-2015.16 (quỹ Nafosted, nghiệm thu năm 2019).

+ Thành viên 01 đề tài cấp Nhà nước mã số 502.01-2016.05 (quỹ Nafosted, nghiệm thu năm 2019).

+ Thành viên đề tài cấp Nhà nước mã số BDKH/16-20 (đề tài Bộ Tài nguyên và môi trường, nghiệm thu năm 2019).

+ Thành viên đề tài cấp Bộ mã số 2015.02.15 (đề tài Bộ Tài nguyên và môi trường, nghiệm thu năm 2016).

+ Thành viên đề tài cấp Tỉnh mã số 19/2015/HĐ-KHCN (đề tài Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Nam Định, nghiệm thu năm 2016).

+ Thành viên đề tài cấp ĐHQGHN mã số QG.16.55 (nghiệm thu năm 2017).

- Đã công bố **46 bài nghiên cứu**, cụ thể: có 26 bài báo khoa học quốc tế (25 bài thuộc danh mục ISI/Scopus), 10 bài báo đăng trên tạp chí chuyên ngành trong

nước (có chỉ số ISSN), 10 bài nghiên cứu đăng trên hội thảo, kỷ yếu hội thảo trong nước và quốc tế.

- Đã chủ trì biên soạn **07 đề cương học phần** của các Chương trình đào tạo Cử nhân, Thạc sĩ và Tiến sĩ. Cụ thể:

+ Chương trình đào tạo Cử nhân: Nguyên lý Thống kê Kinh tế (03 tín chỉ), Phương pháp Nghiên cứu Kinh tế (03 tín chỉ), Các mô hình ra quyết định (03 tín chỉ) năm 2018 và 2020.

+ Chương trình đào tạo Thạc sĩ: Thiết kế Nghiên cứu luận văn (02 tín chỉ) năm 2016 và 2020, Thiết kế Nghiên cứu luận văn (03 tín chỉ), Ra quyết định quản trị đa tiêu chuẩn trong kinh tế và quản trị (03 tín chỉ).

+ Chương trình đào tạo Tiến sĩ: Học phần Thống kê kinh tế nâng cao (02 tín chỉ).

15. Khen thưởng:

- **Chiến sĩ thi đua** cấp cơ sở năm học 2014-2015, 2015-2016, 2016-2017, 2019-2020 (Quyết định số 3621/QĐ-ĐHKT ngày 19/08/2015, Quyết định số 2224/QĐ-ĐHKT ngày 08/11/2016, Quyết định số 2278/QĐ-ĐHKT ngày 23/08/2017, 2053/QĐ-ĐHKT ngày 30/07/2020). Chiến sĩ thi đua cấp ĐHQGHN năm học 2016-2017 (Quyết định số 3922/QĐ-ĐHQGHN ngày 10/10/2017).

- **Giấy khen** của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế cho danh hiệu Giảng viên tiêu biểu năm học 2014-2015 theo Quyết định số 3622/QĐ-ĐHKT ngày 19/08/2015.

- **Bằng khen** của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội cho Giảng viên có thành tích xuất sắc năm học 2015-2016 theo Quyết định số 2948/QĐ-ĐHQGHN ngày 28/09/2016.

- **Danh hiệu** Gương mặt trẻ tiêu biểu cấp ĐHQGHN năm 2017 theo Quyết định số 4622/QĐ-ĐHKT ngày 12/12/2017.

- **Danh hiệu** Gương mặt trẻ tiêu biểu cấp ĐHQGHN năm 2019 theo Quyết định số 53/QĐ-ĐHQGHN ngày 09/01/2020.

- **Bằng khen** của Giám đốc ĐHQGHN về đạt thành tích xuất sắc trong công bố quốc tế năm 2019 theo Quyết định số 62/QĐ-ĐHQGHN ngày 12/01/2021.

- **Diễn hình tiên tiến** giai đoạn 2015-2020 theo Quyết định số 1541/QĐ-ĐHKT ngày 25/06/2020.

- **Bằng khen** của Giám đốc ĐHQGHN về đạt thành tích xuất sắc tiêu biểu trong phong trào thi đua yêu nước giai đoạn 2015-2020 theo Quyết định số 2782/QĐ-ĐHQGHN ngày 25/09/2020.

- **Giấy khen** của Hiệu trưởng trường Đại học Kinh tế, ĐHQGHN ngày 25 tháng 06 năm 2020 về hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ công tác, góp phần vào sự phát triển của trường Đại học Kinh tế, ĐHQGHN giai đoạn 2015-2020 theo Quyết định số 1541/QĐ-ĐHKT ngày 25/06/2020.

- **Bằng khen** của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội cho Giảng viên đạt thành tích xuất sắc năm học 2019-2020 theo Quyết định số 2858/QĐ-ĐHQGHN ngày 02/10/2020.

16. Kỷ luật: Không

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo

**** Về phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp***

Là giảng viên, Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam, Tôi luôn có lập trường tư tưởng vững vàng, có phẩm chất đạo đức tốt, lối sống lành mạnh và thực hành tiết kiệm; không ngừng học tập, rèn luyện nâng cao trình độ chuyên môn và trình độ lý luận chính trị để vận dụng trong hoạt động giảng dạy và nghiên cứu khoa học. Tôi luôn tự ý thức và chấp hành tốt mọi chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, quy định của pháp luật, cũng như quy định của nhà trường.

**** Về công tác giảng dạy***

Tôi luôn hoàn thành tốt và vượt định mức giảng dạy theo quy định của trường Đại học Kinh tế, ĐHQGHN, Luật Giáo dục và Luật Giáo dục Đại học. Trong thời gian công tác tại trường Đại học Kinh tế, tôi tham gia giảng dạy các học phần liên quan tới thống kê và phương pháp nghiên cứu kinh tế cho bậc Cử nhân, Thạc sĩ và Tiến sĩ trong toàn trường, bao gồm: Nguyên lý Thống kê Kinh tế (Cử nhân), Phương pháp Nghiên cứu Kinh tế (Cử nhân), Các mô hình ra quyết định (Cử nhân), Kinh tế

lượng (Cử nhân), Ra quyết định quản trị đa tiêu chuẩn trong kinh tế và quản trị (Thạc sĩ), Thiết kế nghiên cứu luận văn (Thạc sĩ) và Thống kê kinh tế nâng cao (Tiến sĩ).

Là giảng viên Đại học, tôi luôn có ý thức tự học, tự nghiên cứu, rèn luyện nâng cao phẩm chất đạo đức, trình độ chuyên môn nghiệp vụ, chủ động đổi mới và vận dụng các phương pháp sư phạm hiện đại vào bài giảng. Trong quá trình giảng dạy, tôi luôn tận tụy với công việc, quan tâm giúp đỡ và học hỏi đồng nghiệp, tôn trọng và đối xử công bằng với người học, luôn nêu gương tốt cho các thế hệ sinh viên, được nhiều đồng nghiệp và sinh viên yêu mến. Trong các năm qua tôi đạt được một số danh hiệu, giấy khen, bằng khen của trường Đại học Kinh tế và ĐHQGHN như Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở, cấp ĐHQGHN, Giảng viên tiêu biểu, Gương mặt trẻ tiêu biểu cấp ĐHQGHN.

Bên cạnh hoạt động giảng dạy trên lớp, tôi tích cực và chủ động tham gia, viết báo cáo tự đánh giá hoạt động kiểm định chất lượng Chương trình đào tạo của Khoa và Trường. Chủ trì biên soạn đề cương của 07 học phần cho bậc đào tạo cử nhân, thạc sĩ và tiến sĩ theo hướng gia tăng thời lượng thực hành, gắn với thực tiễn, nhằm phát huy tinh thần tự học và năng lực học tập của người học. Ngoài ra, tôi thường xuyên tổ chức các buổi đào tạo nội bộ về phương pháp nghiên cứu và các công cụ phân tích định lượng trong trường, được đồng nghiệp và sinh viên đánh giá cao. Tôi tham gia hướng dẫn nhiều sinh viên thực hiện niên luận, Khóa luận tốt nghiệp, tham gia hội đồng chấm luận văn thạc sĩ, luận án tiến sĩ.

**** Về công tác nghiên cứu khoa học***

Tôi luôn ý thức được vai trò của NCKH trong nâng cao chất lượng giảng dạy tại trường Đại học. Vì vậy, tôi luôn dành thời gian tự nghiên cứu, cũng như hỗ trợ các đồng nghiệp trẻ và người học trong NCKH. Tôi luôn hoàn thành tốt và vượt mức nhiệm vụ NCKH theo quy định của giảng viên. Hằng năm, tôi đều có các bài báo khoa học được đăng tải trên các tạp chí chuyên ngành trong nước và quốc tế, tham gia các hội thảo khoa học, cũng như chủ trì và tham gia đề tài khoa học cấp Nhà nước, đề tài khoa học cấp Bộ và cấp cơ sở. Cụ thể, tôi đã công bố 46 bài nghiên cứu, cụ thể: có 26 bài báo khoa học quốc tế (25 bài thuộc danh mục ISI/Scopus), 10 bài báo đăng trên tạp chí chuyên ngành trong nước (có chỉ số ISSN), 10 bài nghiên cứu đăng trên hội thảo, kỷ yếu hội thảo trong nước và quốc tế.

Bên cạnh đó, trong thời gian công tác tại trường Đại học Kinh tế, ĐHQGHN, tôi đã hướng dẫn thành công 16 học viên cao học (đã nhận bằng Thạc sĩ); hiện đang hướng dẫn 03 NCS tại trường; hướng dẫn 01 nhóm sinh viên đạt giải nhất đề tài NCKH sinh viên cấp trường Đại học Kinh tế và cấp ĐHQGHN năm 2016 và nhiều nhóm sinh viên đạt giải NCKH cấp Khoa trong các năm khác.

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

Tổng số thời gian tham gia đào tạo: **8 năm, 2 tháng**, tại Trường Đại học Kinh tế - ĐHQGHN

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đề án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số lượng giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ giảng trực tiếp/giờ quy đổi/Số giờ định mức ^(*)
		Chính	Phụ			ĐH	SDH	
1	2015-2016			2		229	30	259/423.25/270
2	2016-2017				1	48	136	184/303.75/229.5
3	2017-2018			4	3	201	6	207/411.55/220.5
03 năm học cuối								
4	2018-2019			3		144	185	329/538.2/229.5
5	2019-2020			1	1	276	75	351/706.3/223.9
6	2020-2021			4		135	135	270/660/216

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến trước ngày 11/9/2020, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; Áp dụng Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2015 của Trường Đại học Kinh tế ban hành kèm theo Quyết định số 929/QĐ-ĐHKT ngày 25/03/2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - ĐHQGHN;

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu. Áp dụng Quy

ché chỉ tiêu nội bộ năm 2019 của Trường Đại học Kinh tế ban hành kèm theo Quyết định số 1729/QĐ-ĐHKT ngày 14/06/2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - ĐHQGHN.

3. Ngoại ngữ

3.1. Tên ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài:

- Học ĐH ; Tại nước:; Từ năm đến năm

- **Bảo vệ luận văn ThS tại nước: **Đài Loan năm 2009** và **bảo vệ luận án TS** hoặc **TSKH ; tại nước: **Đài Loan năm 2013******

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước:

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: số bằng:; năm cấp:

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài:

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ:.....

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước): ...

d) Đối tượng khác ; Diễn giải:

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ):

Chứng chỉ TOIEC 720, mã số 012281429, ngày thi 17/08/2011

4. Hướng dẫn NCS, HVCH đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVC H	Chính	Phụ			
1	Triệu Thị Ngọc Giang		X	X		2015-2016	Trường ĐHKT-ĐHQGHN	05/02/2016
2	Trịnh Thị Hoàng Hạnh		X	X		2015-2016	Trường ĐHKT-ĐHQGHN	05/02/2016
3	Trịnh Bảo Nguyên		X	X		2016-2017	Trường ĐHKT-ĐHQGHN	23/01/2017
4	Phạm Thị Như Quỳnh		X	X		2016-2017	Trường ĐHKT-ĐHQGHN	17/03/2017

5	Vũ Thị Thanh Tâm		X	X		2016-2017	Trường ĐHKT-ĐHQGHN	05/09/2017
6	Lã Đức Đoàn		X	X		2016-2017	Trường ĐHKT-ĐHQGHN	29/11/2017
7	Nguyễn Hồng Nhung		X	X		2017-2018	Trường ĐHKT-ĐHQGHN	27/03/2018
8	Chu Thị Lê Linh		X	X		2017-2018	Trường ĐHKT-ĐHQGHN	21/05/2018
9	Đàm Thu Vân		X	X		2017-2018	Trường ĐHKT-ĐHQGHN	21/08/2018
10	Vũ Xuân Huy		X	X		2018-2019	Trường ĐHKT-ĐHQGHN	27/03/2019
11	Trần Thị Thùy Linh		X	X		2018-2019	Trường ĐHKT-ĐHQGHN	27/03/2019
12	Nguyễn Thị Diệp		X	X		2019-2019	Trường ĐHKT-ĐHQGHN	17/12/2019
13	Trần Thị Hải Yến		X	X		2019-2020	Trường ĐHKT-ĐHQGHN	18/11/2020
14	Nguyễn Trung Tuấn		X	X		2020-2021	Trường ĐHKT-ĐHQGHN	26/02/2021
15	Trần Thị Thanh Phương		X	X		2020-2021	Trường ĐHKT-ĐHQGHN	26/02/2021
16	Ngô Huy Toàn		X	X		2020-2021	Trường ĐHKT-ĐHQGHN	26/02/2021

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên:

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phản biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDDH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
I	Trước khi được công nhận PGS/TS						
1							
II	Sau khi được công nhận PGS/TS						
1							

Trong đó: số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản, mà ứng viên là chủ biên sau PGS/TS: [],.....

Lưu ý:

- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có).
- Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu:

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PC N/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
I	Trước khi được công nhận Tiến sĩ				
II	Sau khi được công nhận Tiến sĩ				
1	Xây dựng mô hình ra quyết định đa tiêu chuẩn mới để đánh giá năng lực giảng viên	Chủ trì	KT.14.04 Cấp cơ sở	2014-2015	Biên bản thanh lý hợp đồng thực hiện đề tài NCKH ngày 06/07/2015. Xếp loại: Tốt.
2	Xây dựng mô hình ra quyết định đa tiêu chuẩn mờ tích hợp mới: ứng dụng trong đánh giá năng lực giảng viên tại Đại học Quốc gia Hà Nội	Chủ trì	502.01-2015.16, Cấp nhà nước (quỹ Nafosted)	2017-2019	Biên bản thanh lý hợp đồng thực hiện đề tài NCKH ngày 02/10/2020. Xếp loại: Đạt
3	Nghiên cứu xây dựng mô hình đảm bảo an ninh nguồn nước - áp	Thành viên	2015.02.15,	2014-2016	Năm 2016, Xếp loại: Đạt

	dụng thử nghiệm đối với việc sử dụng nước cho thủy điện trên dòng chính sông Đà		Bộ Tài nguyên và môi trường		
4	Nghiên cứu, ứng dụng mô hình quản trị hướng dịch vụ (SOA) cho các đơn vị dịch vụ công nhằm thu hút đầu tư tại Tỉnh Nam Định	Thành viên	19/2015/HĐ-KHCN, Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Nam Định	2015-2016	Năm 2016, Xếp loại: Đạt
5	Nghiên cứu đánh giá an ninh nguồn nước phục vụ xây dựng quy hoạch tài nguyên nước: áp dụng thử nghiệm trên lưu vực sông Đồng Nai	Thành viên	BĐKH/16-20, Bộ Tài nguyên và môi trường	2016-2019	Năm 2019, Xếp loại: Đạt
6	Những vấn đề an ninh phi truyền thống của Việt Nam trong bối cảnh hội nhập quốc tế	Thành viên	QG.16.55, Đại học Quốc gia Hà Nội	2016-2017	Năm 2017, Xếp loại: Đạt
7	Hiệu quả kinh tế và môi trường: nghiên cứu quy mô cấp tỉnh tại Việt Nam	Thành viên	502.01-2016.05, Quỹ Nafosted	2017-2019	Năm 2019 Xếp loại: Đạt

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố

7.1. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố

7.1.1. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học công bố trước khi được công nhận Tiến sĩ

T	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
Bài báo đăng trên tạp chí quốc tế								
1	A revised method for ranking fuzzy numbers using maximizing set and minimizing set	03	X	Computers & Industrial Engineering	ISI, Scopus (CiteScore 2020: 7.9;	74	61, 4, 1342-1348	2011

					IF: 5.431, Q1)			
2	An extension of fuzzy TOPSIS approach based on centroid-index ranking method	06		Scientific Research and Essays	ISSN: 1992-2248		7, 14, 1485-1493	2012
3	Optimizing reverse logistic costs for recycling end-of-life electrical and electronic products	04	X	Expert Systems with Applications	ISI (CiteScore 2020: 3.8, Q1)	211	39, 7, 6380-6387	2012
4	Analyzing the ranking method for L-R fuzzy numbers based on deviation degree	04		Computers & Industrial Engineering	ISI, Scopus (CiteScore 2020: 7.9; IF: 5.431, Q1)	09	63, 4, 1220-1226	2012
5	An improved ranking method for fuzzy numbers based on the centroid-index	03	X	International Journal of Fuzzy Systems	ISI, Scopus (CiteScore 2020: 7.3, Q1-Q2)	49	14, 3, 413-419	2012
6	Parting curve selection and evaluation using an extension of fuzzy MCDM approach	05		Applied Soft Computing	ISI, Scopus (CiteScore 2020: 11.2, Q1)	11	13, 4, 1952-1959	2013
7	Ranking generalized fuzzy numbers in fuzzy decision making based on the left and right transfer coefficients and areas	05		Applied Mathematical Modelling	ISI, Scopus (CiteScore 2020: 7.5, Q1)	50	37, 16-17, 8106-8117	2013

Bài báo đăng hội thảo quốc tế

8	A fuzzy TOPSIS approach for medical provider selection and evaluation	04		2012 International conference on Fuzzy Theory and Its Applications, November 16-18, Taichung, Taiwan	Scopus	03	IEEE, iFUZZ Y2012, 322-326	2012
9	Determinants of Foreign Direct Investment in Vietnam: A comparison. Conference on Service and Technology Management	03		Conference on Service and Technology Management, National Taipei University of Science and Technology, Taipei, Taiwan, March 26 th			1-10	2013
10	Improved arithmetic operations on generalized fuzzy numbers	04	X	2013 International conference on Fuzzy Theory and Its Applications (iFUZZY 2013), December 6-8, 2013, Taipei, Taiwan	Scopus		407-414	2013

7.1.2. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học công bố sau khi được công nhận Tiến sĩ

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
Bài báo đăng trên tạp chí quốc tế								
11	An improved ranking method for fuzzy numbers with integral values	02		Applied Soft Computing	ISI, Scopus (CiteScore 2020: 11.2, Q1)	67	14 Part C, 603-608	2014
12	Selection of key component vendor from the aspects of capability, productivity, and reliability	03		Mathematical Problems in Engineering	ISI, Scopus (CiteScore 2020: 1.8, Q3)	05	Article ID 124652, 1-7	2014
13	A new integrated fuzzy QFD approach for market segments evaluation and selection	04	X	Applied Mathematical Modelling	ISI, Scopus (CiteScore 2020: 7.5, Q1)	68	39, 13, 3653-3665	2015
14	Ranking the priority of marine economic activities in small islands based on fuzzy AHP:	04		Journal of Environmental Management and Tourism	Scopus (CiteScore 2020: 2.1, Q3)		3, 2(12) 297-309	2015

	comparing decision of local residents and authorities in <i>Cu Lao Bo Bai</i> island, central Vietnam							
15	A Fuzzy MCDM Approach for Green Supplier Selection from the Economic and Environmental Aspects	04		Mathematical Problems in Engineering	ISI, Scopus (CiteScore 2020: 1.8, Q3)	92	Article ID 8097386, 10 trang	2016
16	Analyzing the ranking method for fuzzy numbers in fuzzy decision making based on the magnitude concepts	06	X	International Journal of Fuzzy Systems	ISI, Scopus (CiteScore 2020: 7.3, Q1-Q2)	10	19(5), 1279-1289	2017
17	Application of Visual Management in Small Medium Enterprise in Vietnam	05	X	International Journal of Entrepreneurship and Innovation Management	Scopus (CiteScore 2020: 1.4, Q3)	02	21, 6, 509-529	2017
18	Housing satisfaction and its correlates: a quantitative study among residents living in their own affordable	04		International Journal of Urban Sustainable Development	Scopus (CiteScore 2020: 2.0, Q2)	16	1-13	2017

	apartments in urban Hanoi, Vietnam							
19	Interval Complex Neutrosophic Set: Formulation and Applications in Decision-Making	04		International Journal of Fuzzy Systems	ISI, Scopus (CiteScore 2020: 7.3, Q1-Q2)	65	20, 3, 986-999	2018
20	New Integrated Quality Function Deployment Approach Based on Interval Neutrosophic Set for Green Supplier Evaluation and Selection	06	X	Sustainability	ISI, Scopus (CiteScore 2020: 3.9, Q1-Q2)	33	10, 838	2018
21	Dynamic interval valued neutrosophic set: Modeling decision making in dynamic environments	06		Computers in Industry	ISI, Scopus (CiteScore 2020: 12, Q1)	32	108, 45-52	2019
22	Linguistic Approaches to Interval Complex Neutrosophic Sets in Decision Making	07	X	IEEE Access	ISI, Scopus (CiteScore 2020: 4.8, Q1-Q2)	25	7, 38902 - 38917	2019

23	Access to homebuyer credit and housing satisfaction among households buying affordable apartments in urban Vietnam	04		Cogent Economics and Finance	Scopus (CiteScore 2020: 2.0, Q2)	01	7(1), 16381-12	2019
24	A new framework for analyzing climate change impacts by vulnerability index and quantitative modeling: a case study of coastal provinces in Vietnam	05	X	Fuzzy Economic Review	Scopus (CiteScore 2020: 1.1, Q4)	01	24(1), 25-46	2019
25	A Comprehensive Reverse Supply Chain Model using an Interactive Fuzzy Approach - a Case Study on the Vietnamese Electronics Industry	05		Applied Mathematical Modelling	ISI, Scopus (CiteScore 2020: 7.5, Q1)	16	76, 87-108	2019
26	E-Waste Reverse Supply Chain: A Review and Future Perspectives	05		Applied Sciences	ISI, Scopus (CiteScore 2020: 3.0, Q2)	10	9, 5195	2019

27	Evaluation of lecturers' performance using a novel hierarchical multi-criteria model based on an interval complex Neutrosophic set	08		Decision Science Letters	Scopus (CiteScore 2020: 3.8, Q3)		9, 119-144	2020
28	A dynamic generalized fuzzy multi-criteria group decision making approach for green supplier segmentation	05	X	PLOS ONE	ISI, Scopus (CiteScore 2020: 5.3, Q1)	03	16(5): e0251-940	2020
29	Lecturers' Research Capacity Assessment Using an Extension of Generalized Fuzzy Multi-Criteria Decision-Making Approach	07	X	International Journal of Fuzzy Systems	ISI, Scopus (CiteScore 2020: 7.3, Q1-Q2)	02	22, 2652-2663	2020
Bài báo đăng trên tạp chí chuyên ngành trong nước								
30	Lựa chọn hệ thống bốc thuốc thông minh sử dụng mô hình triển khai chức năng chất lượng	03	X	Tạp chí Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương ISSN 0868-3808			Số cuối tháng 6, 57-60	2015

31	Xây dựng mô hình đánh giá năng lực giảng viên	05	X	Tạp chí Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương ISSN 0868-3808			Kỳ 2 tháng 6, 81-83, 66	2015
32	Thực trạng và giải pháp thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài tại Nam Định	02		Tạp chí Kinh tế và Phát triển ISSN: 1859-0012			Số 225, tháng 03, 98-102	2016
33	Lựa chọn vị trí trung tâm phân phối sử dụng mô hình ra quyết định đa tiêu chuẩn	04		Tạp chí Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương ISSN 0868-3808			Số 468, tháng 04, 41-42, 45	2016
34	An ninh năng lượng tại Việt Nam: Các nhân tố ảnh hưởng và giải pháp	03		Tạp chí nghiên cứu kinh tế ISSN 08667489			Số 6(457), 22-27	2016
35	Xây dựng mô hình ra quyết định đa tiêu chuẩn tích hợp để lựa chọn và phân nhóm nhà cung cấp xanh	04	X	Tạp chí Khoa học ĐHQGHN: Kinh tế và Kinh doanh ISSN: 0866-8612			Tập 33, Số 1, 43-54	2017
36	Ứng dụng phương pháp điểm lý tưởng (TOPSIS) trong	04		Tạp chí Tâm lý học xã hội ISSN: 0866-8019			Số 4, tháng 04, 15-24	2018

	đánh giá năng lực giảng viên							
37	Đánh giá các nhân tố tạo động lực làm việc của giảng viên tại trường Đại học Kinh tế, ĐHQGHN	04		Tạp chí Tâm lý học xã hội ISSN: 0866-8019			Số 9, 59-68	2019
38	Ứng dụng mô hình ra quyết định trong đánh giá năng lực giảng viên. Tạp chí Kinh tế và Phát triển, số 266, 85-92	05	X	Tạp chí Kinh tế và Phát triển ISSN: 1859-0012			Số 266, tháng 08, 85-92	2019
39	Thực trạng và giải pháp nâng cao hiệu quả nghiên cứu khoa học của giảng viên các trường đại học ở Việt Nam	03		Tạp chí Tâm lý học xã hội ISSN: 0866-8019			Số 4, 126-135	2020
Bài báo đăng hội thảo, kỷ yếu hội thảo quốc tế và trong nước								
40	Supplier Selection and Evaluation Using Generalized Fuzzy Multi-Criteria Decision Making	04		The Eighth International Conference on Knowledge and Systems Engineering (KSE2016), October 6-8,			31-36	2016

				Hanoi, Vietnam.				
41	Optimizing Total Cost for an Electronic Waste Reverse Supply Chain Model	04		Unmaking waste. International Conference, 20-23 September, Adelaide, South Australia.			15 trang	2018
42	Selecting renewable energy technology via a fuzzy MCDM approach	06	X	Trong sách Cha và các cộng sự “Advances in Transdisciplinary Engineering”, IOS Press, Netherlands.	ISBN 978-1-61499-439-8 (print) 978-1-61499-440-4 (online).		Số 1, 796-805.	2014
43	A New fuzzy TOPSIS for green supplier segmentation	05		Trong sách của Osam Sato, Nguyen Dang Minh, Chul Yong Jung, Jiye Mao: Proceedings Asia Pacific Conference on Information Management 2016 (APCIM2016): Common platform to a sustainable society in the	ISBN: 978-604-62-6481-1		Trang 244-260	2016

				dynamic Asia pacific, Vietnam National University Press, Hanoi.				
44	Chi tiêu công hướng tới tăng trưởng xanh	03	X	Trong sách Nguyễn Quốc Việt và Đặng Đức Đạm (2016). Đổi mới sáng tạo dịch vụ công và chi tiêu công vì sự phát triển bền vững ở Việt Nam. NXB Chính trị Quốc Gia, 336tr.	ISBN: 978-604- 47-2301- 2		Trang 285- 311	2016
45	Sử dụng mô hình ra quyết định đa tiêu chuẩn để đánh giá năng lực giảng viên	02		Trong Kỷ yếu hội thảo khoa học: Giảng dạy và nghiên cứu khoa học trong bối cảnh hội nhập quốc tế. NXB Dân trí.	ISBN: 978-604- 88-5437- 9		Trang 85-96	2017
46	Phát triển năng lượng tái tạo tại Đức - một số hàm ý cho Việt Nam	03	X	trong Nguyễn Anh Thu và Andreas Stoffers (2020). Việt Nam và Đức: Phát triển bền	ISBN: 978-604- 315-238- 8		Trang 200- 212	2020

				vững trong bối cảnh biến đổi toàn cầu. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.				
--	--	--	--	---	--	--	--	--

- Trong đó: số lượng và thứ tự bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế uy tín mà UV là tác giả chính sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS: **08 bài** (bài số 13, 16, 17, 20, 22, 24, 28, 29).

7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/đồng tác giả	Số tác giả
1					
2					
...					

- Trong đó: số bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS (ghi rõ số thứ tự):

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò UV (Chủ trì/Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi chú
1	Dùng chung cho các CTĐT Cử nhân của Trường ĐHKT (Đề cương học phần Nguyên lý Thống kê kinh tế - 03 tín chỉ)	Chủ trì	Hợp đồng ngày 6/7/2017	Trường Đại học Kinh tế - ĐHQGHN	Quyết định ban hành Số: 221/QĐ-ĐHKT ngày 22/01/2018; Biên bản thanh lý hợp đồng ngày 02/08/2019	

2	Dùng chung cho các CTĐT Cử nhân của Trường ĐHKT (<i>Học phần Phương pháp Nghiên cứu Kinh tế - 03 tín chỉ</i>)	Chủ trì	Hợp đồng ngày 18/06/2020	Trường Đại học Kinh tế - ĐHQGHN	Quyết định ban hành Số: 3213/QĐ-ĐHKT ngày 23/10/2020; Biên bản thanh lý hợp đồng ngày 01/07/2021
3	Chương trình đào tạo Cử nhân Quản trị Kinh doanh (<i>Học phần Các mô hình ra quyết định - 03 tín chỉ</i>) năm 2018 và 2020	Chủ trì	Hợp đồng ngày 25/07/2017, 16/03/2020	Trường Đại học Kinh tế - ĐHQGHN	Quyết định ban hành Số: 3280/QĐ-ĐHKT ngày 28/11/2017; Thanh lý hợp đồng ngày 12/10/2018; Quyết định ban hành Số: 2046/QĐ-ĐHKT ngày 30/07/2020
4	Dùng chung cho các CTĐT thạc sĩ của Trường ĐHKT (<i>Học phần Thiết kế Nghiên cứu luận văn -02 tín chỉ</i>) năm 2016 và 2020	Chủ trì	Hợp đồng ngày 29/12/2015, Hợp đồng ngày 30/08/2019	Trường Đại học Kinh tế - ĐHQGHN	Biên bản thanh lý hợp đồng ngày 22/09/2016, Quyết định ban hành Số: 906/QĐ-ĐHKT ngày 17/04/2020
5	Dùng chung cho các CTĐT thạc sĩ của Trường ĐHKT (<i>Học phần Thiết kế Nghiên cứu luận văn -03 tín chỉ</i>)	Chủ trì	Hợp đồng ngày 29/12/2015	Trường Đại học Kinh tế - ĐHQGHN	Biên bản thanh lý hợp đồng ngày 22/09/2016
6	Chương trình đào tạo thạc sĩ Chính sách công và Phát triển (<i>Học phần Ra quyết định quản trị đa tiêu chuẩn trong kinh tế và quản trị - 03 tín chỉ</i>)	Chủ trì	Hợp đồng ngày 3/1/2020	Trường Đại học Kinh tế - ĐHQGHN	Quyết định ban hành Số: 281/QĐ-ĐHKT ngày 20/02/2020 Biên bản thanh lý hợp đồng ngày 09/03/2020

7	Chương trình đào tạo Tiến sĩ Tài chính ngân hàng (<i>Học phần Thống kê kinh tế nâng cao - 02 tín chỉ</i>)	Chủ trì	Hợp đồng ngày 07/05/2015	Trường Đại học Kinh tế - ĐHQGHN	Biên bản thanh lý hợp đồng ngày 26/02/2016	
---	---	---------	--------------------------	---------------------------------	--	--

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*: Không

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hà Nội, ngày 28 tháng 07 năm 2021

NGƯỜI ĐĂNG KÝ

(Ký và ghi rõ họ tên)



Lưu Quốc Đạt